

BẢNG THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN GRI TRONG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2024

Tiêu chuẩn GRI	Tham chiếu Công bố thông tin	Nội dung trong báo cáo	Số trang
GRI 2: Công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung 2021			
2-1	Thông tin chi tiết về tổ chức	Chương 2: Thông tin về VDSC và ngành chứng khoán	14
2-2	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo	Chương 7: Thông tin chung về báo cáo	144
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	Chương 7: Thông tin chung về báo cáo	144
2-6	Hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	Chương 2: Thông tin về VDSC và ngành chứng khoán Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	14 54 88
2-7	Nhân viên	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị công ty	Chương 2: Thông tin về VDSC và ngành chứng khoán	14
2-10	Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất	Chương 2: Thông tin về VDSC và ngành chứng khoán Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	14 88
2-11	Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	Chương 2: Thông tin về VDSC và ngành chứng khoán Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	14 88
2-12	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/giám sát hoạt động quản lý tác động của Công ty	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	88
2-13	Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	88
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	88
2-15	Xung đột lợi ích	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	88
2-17	Kiến thức chung của cơ quan quản trị cao nhất	Chương 2: Thông tin về VDSC và ngành chứng khoán Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	14 88
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài	88
2-19	Chính sách thù lao	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	88 100
2-20	Quy trình xác định thù lao	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	88 100
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	Chương 4: Quản trị tốt tạo giá trị lâu dài Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	88 100
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	Chương 1: Thông điệp chính Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	4 54
2-23	Các cam kết chính sách	Chương 1: Thông điệp chính Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	4 54
2-24	Lồng ghép các cam kết chính sách	Chương 1: Thông điệp chính Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	4 54
2-26	Tham vấn các bên liên quan	Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	54
2-27	Tuân thủ pháp luật và các quy định	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	54
GRI 3: LĨNH VỰC TRỌNG YẾU			
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	54
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu	Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	54
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu	Chương 3: Nền tảng bền vững, chiến lược rõ ràng	54
GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế			
201-1	Hiệu quả kinh tế	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
201-2	Tỷ lệ thành viên ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 301: Vật liệu			
301-1	Vật liệu dùng trong tổ chức	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
GRI 302: Năng lượng			
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
GRI 303: Nước và nước thải			
303 – 5	Tiêu thụ nước	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
GRI 305: Phát thải			
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	Chương 6: Xây dựng môi trường bền vững tại Rong Việt	136
GRI 401: Việc làm			
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thời việc	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 404: Giáo dục và đào tạo			
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng			
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 408: Lao động trẻ em			
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về lao động trẻ em	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc			
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về lao động cưỡng bức hoặc lao động bắt buộc	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 413: Cộng đồng địa phương			
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 416: Sức khỏe và An toàn của Khách hàng			
416-2	Các sự cố không tuân thủ liên quan đến tác động đến sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 417: Tiếp thị và nhãn hiệu			
417-1	Yêu cầu về thông tin và ghi nhãn đối với sản phẩm và dịch vụ	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100
GRI 418: Quyền bảo mật thông tin Khách hàng			
418-1	Các khiếu nại đã được xác minh liên quan đến vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	Chương 5: Xây dựng hệ sinh thái tài chính đầu tư gắn với ESG – Tạo dựng giá trị bền vững	100

